**CHUYÊN ĐỀ XIII. MẠO TỪ**

**A. Kiến thức lý thuyết**

- Mạo từ (articles) trong tiếng Anh là những từ thường dứng trước danh từ, dùng để phân biệt danh từ đó là xác định hay không xác định.

- Mạo từ trong tiếng Anh được chia thành hai loại chính:

+ Mạo từ không xác định: a, *an*

+ Mạo từ xác định: *the*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mạo từ** | **Cách dùng** | **Ví dụ** |
| **a** | Đứng trước một danh từ đếm được số ít, chưa xác định và thường xuất hiện lần đầu trong một ngữ cảnh | * *My father is a worker.*

*- Mrs Mai has been a doctor in a hospital in Ha Noi for years.* |
| **an** | Đứng trước một danh từ đếm được số ít, bắt đầu bằng một nguyên âm*\* Lưu ý: an* đứng trước một nguyên âm căn cứ vào cách phát âm, không căn cứ vào chữ viết. | * *Mr Nam works as an architect in Ha Noi.*
* *a uniform /ˈjuːnɪfɔːm/*

*an L.G TV /el dji: ti.'vi:/* |
| **the** | Đứng trước một danh từ mà cả người nói và người nghe đều biết rõ về nó | *Husband: Where are the children?* *Wife: They are in the kitchen.* |
| Đứng trước một danh từ xuất hiện lần thứ hai trở đi trong một ngữ cảnh | *A cat is chasing a mouse, the mouse runs into a hole, the hole is very small so the cat can't get in.* |
| Đứng trước một tính từ để ám chỉ cả một nhóm người (đóng vai trò như một danh từ số nhiều) | *- the rich, the poor, the young, the old, the disabled, the local, ...**- The rich in my neighbourhood are often willing to help the poor or the disadvantaged.* |
| Đứng trước một tính từ, trạng từ ở cấp so sánh hơn nhất | *the best, the most intelligent, the happiest, the most quickly, ...* |
| Đứng trước một số thứ tự | *the first, the second, the last, the only, ...* |
| Trước một danh từ chung chỉ địa danh công cộng | *the station, the airport, the cinema, the theatre, ...* |
| Đứng trước một danh từ riêng chỉ địa lí (đại dương, biển, dãy núi, sa mạc, dòng sông, hoặc các địa điểm nổi tiếng) | *The Atlantic, The Mediterranean, The Seine, The Sahara, The Eiffel Tower, ...* |
|  | Đứng trước tên một loại nhạc cụ | *the guitar, the piano, the violin, ...* |
|  | Đứng trước tên một sô quốc gia | *The United States, The Philippines, The United Kingdom, ...* |
|  | Thường dùng trước danh từ mà danh từ đó đứng trước một đại từ quan hệ | *I really like the hook that my father gave me on my recent birthday.* |

**B. Luyện tập**

**Exercise *1***: ***Underline the correct answer to complete each of the following sentences.***

1. We visited \_\_\_\_\_ Niles and \_\_\_\_\_ Great pyramid when we were in Egypt last holiday.

A. a - a B. the - the C. a – the D. ∅ - ∅

2. My brother can play \_\_\_\_\_ guitar very well.

A. a B. an C. the D. ∅

3. \_\_\_\_\_ Sahara is often considered to be \_\_\_\_\_ largest desert in the world.

A. A - a B. The - the C. A - the D. ∅ - ∅

4. \_\_\_\_\_ last person to leave the room must turn off all the lights.

A. A B. An C. The D. ∅

5. Yesterday I waited for my friend for \_\_\_\_\_ hour but he didn't come.

A. a B. an C. the D. ∅

6. \_\_\_\_\_ people who live next door to me are very friendly and helpful.

A. A B. An C. The D. ∅

7. The students in my class often join hands to help \_\_\_\_\_ old in our community.

A. a B. an C. the D. ∅

8. You should bring \_\_\_\_\_ umbrella with you as it may rain on your way back.

A. a B. an C. The D. ∅

9. Could you show me the way to \_\_\_\_\_ nearest station, sir?

A. a B. an C. the D. ∅

10. Despite the heavy rain, we managed to get to \_\_\_\_\_ airport on time.

A. a B. an C. the D. ∅